

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc
của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 561/TTr-SVHTT ngày 23/9/2025 và Văn bản số 4550/SVHTT-TCPC ngày 09/10/2025 về việc công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Hà Nội, Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT TT UBND Thành phố;
- TAND, VKSND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Hội Luật gia, Đoàn Luật sư Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP B.V.Thắng;
- Các phòng NC, TH;
- Trung tâm TT, DL&CNS;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn

DANH SÁCH

Người giám định tư pháp theo vụ việc của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, nơi công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động GDTP
1.	Bùi Thuý Bình	22/5/1974	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Pháp chế	Cử nhân Lịch sử; Ths Văn hoá học	Tổ chức – Pháp chế	KNCM 24 năm
2.	Trần Thị Mai Dung	28/5/1971	Trưởng Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản	Cử nhân Ngữ văn, Cử nhân Báo chí	QLNN lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản	KNCM 27 năm GDTP 06 năm
3.	Nguyễn Thị Minh Phương	09/4/1975	Trưởng Phòng Truyền thông số	Cử nhân Báo chí	QLNN lĩnh vực Truyền thông số	KNCM 27 năm GDTP 06 năm
4.	Phạm Thị Bích Ngọc	09/02/1981	Phó Trưởng Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản	Cử nhân Xuất bản phát hành, Cử nhân Luật	QLNN lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản	KNCM 19 năm GDTP 06 năm
5.	Đinh Thị Thu Hiền	18/11/1983	Phó Trưởng Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản	Thạc sỹ Quản lý công	QLNN lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản	KNCM 14 năm GDTP 06 năm
6.	Lê Thị Hồng Hạnh	15/8/1978	Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hoá	Thạc sỹ Văn hoá học	QLNN lĩnh vực văn hoá	KNCM: 21 năm GDTP: 5 năm
7.	Phạm Thị Phương Lan	19/7/1982	Chuyên viên phòng Quản lý Văn hoá	Thạc sỹ Quản lý Văn hoá	QLNN lĩnh vực văn hoá	KNCM: 18 năm
8.	Lại Bùi Hưng	05/9/1971	Chuyên viên phòng Quản lý Văn hoá	Cử nhân Luật	QLNN lĩnh vực văn hoá	KNCM: 18 năm
9.	Nguyễn Mạnh Hùng	10/02/1990	Chuyên viên Phòng Quản lý Thể dục thể thao	Cử nhân Thể dục thể thao	QLNN lĩnh vực Thể dục thể thao	KNCM 10 năm

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, nơi công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động GDTP
10.	Nguyễn Thành Tuyên	03/5/1977	Phó Trưởng Phòng Quản lý Nghệ thuật	Cử nhân Ngôn ngữ	QLNN lĩnh vực Nghệ thuật	KNCM 25 năm GDTP 05 năm
11.	Dương Ngọc Long	28/01/1976	Phó Trưởng phòng Quản lý Di sản văn hoá	Cử nhân Lịch sử; Th.s QLVH	Quản lý Di sản văn hóa	KNCM: 21 năm
12.	Nguyễn Tiến Đạt	14/12/1976	Chuyên viên Phòng Quản lý Di sản văn hoá	KTS; Cử nhân hành chính	Quản lý Di sản văn hóa	KNCM: 25 năm
13.	Nguyễn Thị Dung	12/12/1981	Chuyên viên Phòng Quản lý Di sản văn hoá	Cử nhân Hán Nôm và Lịch sử; Th.s Hán Nôm	Quản lý Di sản văn hóa	KNCM: 17 năm
14.	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	26/9/1989	Chuyên viên Phòng Quản lý Di sản văn hoá	CN Hán Nôm, CN Tiếng TQ; Th.s Đông Phương học	Quản lý Di sản văn hóa	KNCM: 11 năm
15.	Đoàn Thị Phương Mai	26/7/1991	Chuyên viên Phòng Quản lý Di sản văn hoá	Cử nhân Lịch sử; Th.s Lịch sử	Quản lý Di sản văn hóa	KNCM: 10 năm
16.	Vũ Thị Minh Tú	29/3/1979	Chuyên viên Phòng Quản lý nghệ thuật	Cử nhân lịch sử; Ths Văn hoá học	QLNN lĩnh vực Nghệ thuật	KNCM 20 năm GDTP: 3 năm
17.	Nguyễn Thị Thanh Nga	02/3/1981	Chuyên viên Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản	Cử nhân Ngoại ngữ, Cử nhân Kinh tế - đối ngoại	QLNN lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản	KNCM 18 năm GDTP 06 năm
18.	Phạm Quang Nghĩa	13/11/1987	Chuyên viên Phòng Truyền thông số	Cử nhân Công nghệ thông tin	QLNN lĩnh vực Truyền thông số	KNCM 14 năm GDTP: 06 năm
19.	Lê Thị Thuý	18/10/1980	Chuyên viên Phòng Truyền thông số	Thạc sĩ Báo chí và Cử nhân triết học	QLNN lĩnh vực Truyền thông số	KNCM 14 năm GDTP: 04 năm

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, nơi công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động GDTP
20.	Nguyễn Minh Tuấn	28/10/1976	Chuyên viên phòng Tổ chức – Pháp chế	Cử nhân Luật, Thạc sỹ Kinh tế	Tổ chức – Pháp chế	KNCM 14 năm
21.	Nguyễn Văn Tân	24/08/1990	Chuyên viên phòng Tổ chức – Pháp chế	Cử nhân Luật, Cử nhân Xuất bản phẩm; Cử nhân Ngoại ngữ; Thạc sỹ Văn hoá học	Tổ chức – Pháp chế	KNCM 06 năm